

Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)



Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật ngày 3 tháng 8
năm 2020



TỔNG SỐ CA BỆNH

4,649,102

47,576 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

154,471

469 Số Ca Tử Vong Mới*



Quý vị muốn biết thêm dữ liệu?

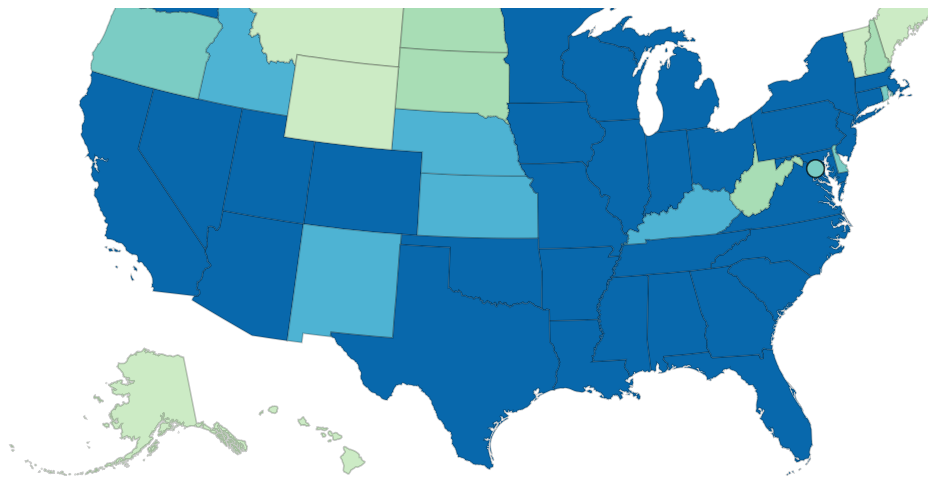
Theo dõi dữ liệu COVID của CDC

Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.

Số ca bệnh theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca bệnh được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.





AS GU MH FM MP PW PR VI



Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

- 0 đến 1.000
 1,001 đến 5,000
 5,001 đến 10,000
 10,001 đến 20,000
 20,001 đến 40,000
 40.001 trở lên

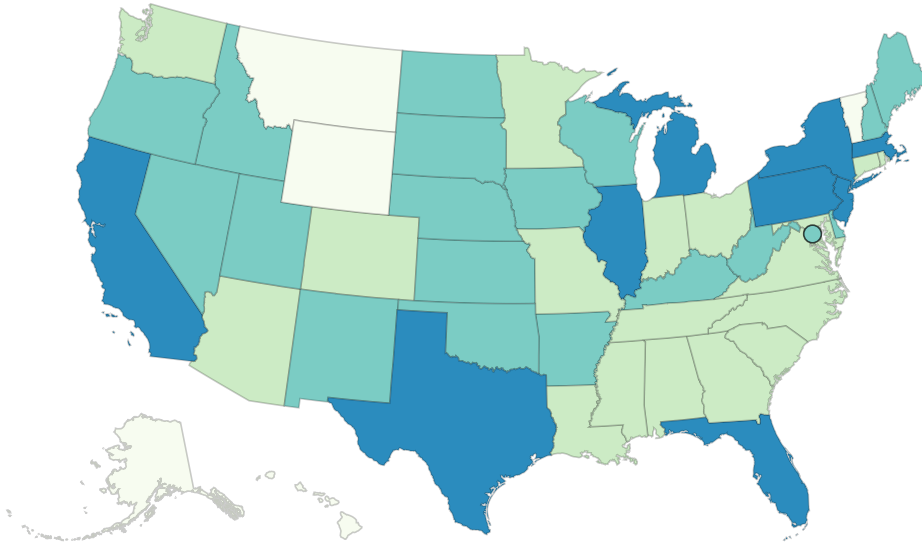
Khu vực phân quyền			
Khu vực phân quyền	Số ca bệnh đã xác nhận	Số ca bệnh có thể có	Tổng Số Ca
<input type="radio"/> Alabama	88,811	2,633	91,444
<input type="radio"/> Alaska	N/A	N/A	3,280
<input type="radio"/> American Samoa	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Arizona	178,467	0	178,467
<input type="radio"/> Arkansas	N/A	N/A	43,810
<input type="radio"/> California	N/A	N/A	509,162
<input type="radio"/> Colorado	44,527	3,189	47,716
<input type="radio"/> Connecticut	47,854	1,956	49,810
<input type="radio"/> Delaware	13,952	997	14,949
<input type="radio"/> Washington D.C.	N/A	N/A	12,274
<input type="radio"/> Florida	N/A	N/A	481,668
<input type="radio"/> Georgia	N/A	N/A	193,177
<input type="radio"/> Guam	N/A	N/A	368
<input type="radio"/> Hawaii	N/A	N/A	2,110
<input type="radio"/> Idaho	20,067	1,277	21,344
<input type="radio"/> Illinois	181,943	1,281	183,224
<input type="radio"/> Indiana	N/A	N/A	67,857
<input type="radio"/> Iowa	N/A	N/A	45,492
<input type="radio"/> Kansas	27,171	641	27,812
<input type="radio"/> Kentucky	29,346	1,839	31,185

<input type="radio"/> Louisiana	N/A	N/A	119,747
<input type="radio"/> Maine	3,541	429	3,970
<input type="radio"/> Marshall Islands	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Maryland	N/A	N/A	91,144
<input type="radio"/> Massachusetts	110,430	8,028	118,458
<input type="radio"/> Michigan	82,782	8,979	91,761
<input type="radio"/> Micronesia	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Minnesota	N/A	N/A	55,947
<input type="radio"/> Mississippi	60,147	978	61,125
<input type="radio"/> Missouri	N/A	N/A	51,840
<input type="radio"/> Montana	4,193	0	4,193
<input type="radio"/> Nebraska	N/A	N/A	26,702
<input type="radio"/> Nevada	N/A	N/A	50,437
<input type="radio"/> New Hampshire	N/A	N/A	6,634
<input type="radio"/> New Jersey	N/A	N/A	182,350
<input type="radio"/> New Mexico	N/A	N/A	21,016
<input type="radio"/> New York	N/A	N/A	190,575
<input type="radio"/> New York City	222,522	4,633	227,155
<input type="radio"/> North Carolina	N/A	N/A	125,219
<input type="radio"/> North Dakota	N/A	N/A	6,785
<input type="radio"/> Northern Marianas	46	0	46
<input type="radio"/> Ohio	88,134	4,897	93,031
<input type="radio"/> Oklahoma	38,225	2,685	40,910
<input type="radio"/> Oregon	19,097	0	19,097
<input type="radio"/> Palau	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Pennsylvania	110,416	3,174	113,590
<input type="radio"/> Puerto Rico	7,113	11,678	18,791
<input type="radio"/> Rhode Island	N/A	N/A	19,022
<input type="radio"/> South Carolina	91,257	531	91,788
<input type="radio"/> South Dakota	N/A	N/A	8,955
<input type="radio"/> Tennessee	108,350	1,277	109,627
<input type="radio"/> Texas	N/A	N/A	430,485
<input type="radio"/> Utah	41,418	341	41,759
<input type="radio"/> Vermont	N/A	N/A	1,426
<input type="radio"/> Virgin Islands	N/A	N/A	438

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ
vào Trang Web của Quý
Vị

Số ca tử vong theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca tử vong được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



AS GU MH FM MP PW PR VI










































Số ca tử vong đã báo cáo

0 to 100 1,001 to 5,000 101 to 1,000 5.001 trở lên

Khu vực phân quyền

Khu vực phân quyền	Số tử vong đã xác nhận	Số tử vong có thể có	Tổng số tử vong
<input type="radio"/> Alabama	1,576	51	1,627
<input type="radio"/> Alaska	N/A	N/A	24
<input type="radio"/> American Samoa	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Arizona	3,765	0	3,765
<input type="radio"/> Arkansas	N/A	N/A	464
<input type="radio"/> California	N/A	N/A	9,356
<input type="radio"/> Colorado	1,502	342	1,844
<input type="radio"/> Connecticut	3,551	881	4,432
<input type="radio"/> Delaware	515	70	585
<input type="radio"/> Washington D.C.	N/A	N/A	586
<input type="radio"/> Florida	N/A	N/A	7,084

<input type="radio"/> Georgia 	N/A	N/A	3,840
<input type="radio"/> Guam 	N/A	N/A	5
<input type="radio"/> Hawaii 	N/A	N/A	26
<input type="radio"/> Idaho 	174	23	197
<input type="radio"/> Illinois 	7,517	197	7,714
<input type="radio"/> Indiana 	2,775	200	2,975
<input type="radio"/> Iowa 	N/A	N/A	876
<input type="radio"/> Kansas 	N/A	N/A	358
<input type="radio"/> Kentucky 	738	4	742
<input type="radio"/> Louisiana 	3,893	114	4,007
<input type="radio"/> Maine 	N/A	N/A	123
<input type="radio"/> Marshall Islands 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Maryland 	3,389	134	3,523
<input type="radio"/> Massachusetts 	8,417	221	8,638
<input type="radio"/> Michigan 	6,206	251	6,457
<input type="radio"/> Micronesia 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Minnesota 	1,614	40	1,654
<input type="radio"/> Mississippi 	1,664	47	1,711
<input type="radio"/> Missouri 	N/A	N/A	1,253
<input type="radio"/> Montana 	61	0	61
<input type="radio"/> Nebraska 	N/A	N/A	332
<input type="radio"/> Nevada 	N/A	N/A	858
<input type="radio"/> New Hampshire 	N/A	N/A	417
<input type="radio"/> New Jersey 	13,961	1,875	15,836
<input type="radio"/> New Mexico 	N/A	N/A	654
<input type="radio"/> New York 	N/A	N/A	8,860
<input type="radio"/> New York City 	18,927	4,623	23,550
<input type="radio"/> North Carolina 	N/A	N/A	1,969
<input type="radio"/> North Dakota 	N/A	N/A	105
<input type="radio"/> Northern Marianas 	2	0	2
<input type="radio"/> Ohio 	3,261	268	3,529
<input type="radio"/> Oklahoma 	550	0	550
<input type="radio"/> Oregon 	326	0	326
<input type="radio"/> Palau 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Pennsylvania 	N/A	N/A	7,209
<input type="radio"/> Puerto Rico 	119	111	230
<input type="radio"/> Rhode Island 	N/A	N/A	1,007
<input type="radio"/> South Carolina 	1,709	68	1,777
<input type="radio"/> South Dakota 	133	2	135

<input type="radio"/> Tennessee	1,036	37	1,073
<input type="radio"/> Texas	N/A	N/A	6,837
<input type="radio"/> Utah	311	0	311
<input type="radio"/> Vermont	N/A	N/A	57
<input type="radio"/> Virgin Islands	N/A	N/A	8
<input type="radio"/> Virginia	2,108	110	2,218

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ
vào Trang Web của Quý
Vị

Số ca bệnh và tử vong theo quận

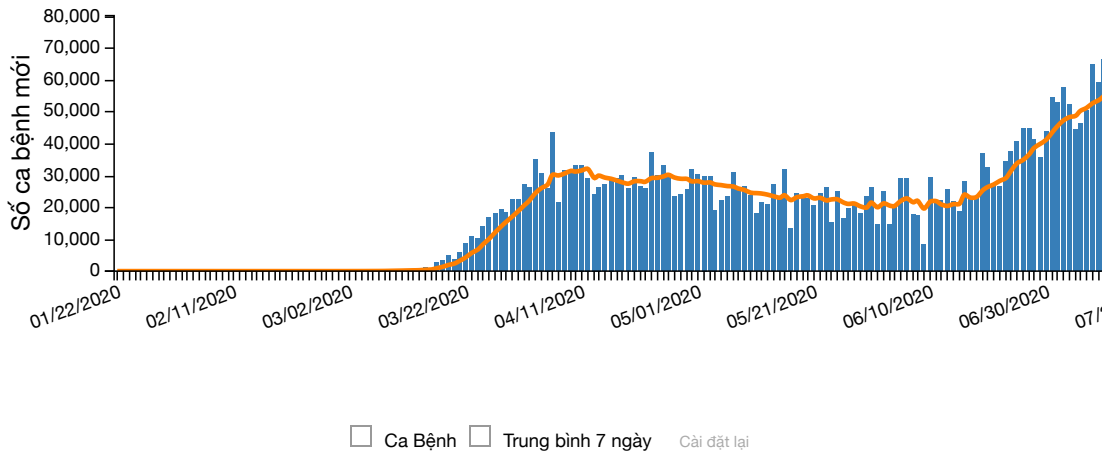
Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAFacts.org](#)

Chọn một Tiểu Bang

Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



Trung bình 7 ngày của các ca bệnh mới (ngày hiện tại + 6 ngày trước đó / 7) được tính toán để làm tròn các thay đổi dự kiến trong số đếm hàng ngày.

Xem dữ liệu -

	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0
Trung bình 7 ngày	0	0	0	0	1	1

[Cuộn để xem thông tin bổ sung](#)

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 3.470.474 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 756.718 (21,8%) người. Trong số 121.190 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 82.101 (67,7%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG
HCP

121.190

SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG
HCP

592

Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Last Updated Aug. 3, 2020, 03:00 PM

Nguồn nội dung: Trung Tâm Quốc Gia về Chủng Ngừa và Bệnh Hô Hấp (NCIRD), Phân Ban Bệnh Do Vi-rút